

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04/ 2017/HNGĐ

Ngày: 25/ 8/ 2017

V/V: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ông: Lò xuân Hải.

Các hội thẩm nhân dân

1. Bà :Vàng Thị Thu

2. Bà: Lý Thị The

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa bà: Lâm Thị Tuyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa

Ông: Bùi Tống Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 05 năm 2017 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Lý Thị N - Sinh năm 1982.

- Nơi ĐKKHKT: Bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu

- Nơi ở hiện nay: Bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu

- Nghề nghiệp: Làm ruộng.

2. Bị đơn: Hở Văn D - Sinh năm 1979.

- Nơi ĐKKHKT: Bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu

- Nơi ở hiện nay: Bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu

- Nghề nghiệp: Làm ruộng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 03 năm 2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, nguyên đơn Lý Thị N trình bày: Chị lấy anh Hở Văn D vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 14/12/2015 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D mắc tệ nạn xã hội, không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh, ít quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị tha thiết xin được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung là Hở Thị Thanh T sinh ngày 05 tháng 03 năm 2003 và Hở Bảo N sinh ngày 21 tháng 11 năm 2010 .

- **Về tài sản riêng:** Trước và trong thời kỳ hôn nhân tài sản riêng không có.
- **Về tài sản chung:** Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã tạo lập được 01 (Một) căn nhà sàn gỗ 05 gian giá trị khoảng 200.000.000 đồng ở tại bản K, xã X, huyện H, tỉnh Lai Châu; 01 (Một) căn nhà sàn gỗ 03 gian, mái lợp tôn, sàn lát ván, găm sàn xây gạch PaBanh 20cm bao quanh có chiều dài khung nhà 7,5m, chiều rộng khung nhà 4,8m tổng diện tích xây dựng là 36,0m² giá trị khoảng 65.000.000 đồng ở tại bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; 01(Một) TiVi hiệu LG 32 in giá trị 5.200.000 đồng; 01(Một) bộ bàn ghế Xa Lông nan gỗ nhãn giá trị 7.000.000 đồng; 02(Hai) tủ nhựa đựng quần áo loại 4 ngăn giá trị 1.000.000đồng/01tủ = 2.000.000 đồng; 02 xe máy trong đó: 01 xe nhãn hiệu WAVARSX đăng ký tên chủ xe Lý Thị N, 01 xe nhãn hiệu YAMAHA đăng ký tên chủ xe Hồ Văn D; 01(Một) máy cày ruộng giá trị 9.500.000 đồng. Tại buổi hòa giải vợ chồng không thỏa thuận được việc chia tài sản nên ngày 03 tháng 05 năm 2017 chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Tè tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với số tài sản trên theo quy định của pháp luật.
- **Về nợ chung:** Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Tè số tiền 62.000.000 đồng; Nợ chị Nguyễn Thị T tiền vật liệu xây dựng 17.000.000 đồng; Nợ quán Vi Ngọc T tiền mua thuốc trừ cỏ 5.000.000 đồng; Nợ Nguyễn Duy Q số tiền mua máy cày 6.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin được ly hôn với anh Hồ Văn D; Về con chung chị xin được nuôi hai con vì anh D chưa có đủ điều kiện, thời gian để quan tâm, chăm sóc, giáo dục con; Về cấp dưỡng chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chị đồng ý nhượng lại căn nhà sàn gỗ 05 gian ở tại bản K, xã X, huyện H, tỉnh Lai Châu cho bố mẹ chồng, 02 (Hai) chiếc xe máy chia mỗi người 01 xe; Về nợ chung vợ chồng thỏa thuận chia đôi tổng số nợ chung đề nghị Tòa án công nhận; Đối với căn nhà sàn hiện tại ở tại bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu chị xin được tiếp tục sử dụng để có chỗ ở cho ba mẹ con cùng các tài sản khác hiện có đang sử dụng chị đồng ý thanh toán cho anh D phần giá trị chênh lệch.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Hồ Văn D xác nhận một phần lời khai của chị N là đúng sự thật và trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là anh không có việc làm ổn định, thu nhập ít để đóng góp cùng vợ duy trì cuộc sống gia đình, anh đã cố gắng nhng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ năm 2012, hiện tại anh thấy vẫn còn tình cảm với vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, về con chung anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của các con ở với ai là do con quyết định. Về tài sản riêng, tài sản chung hiện có và nợ chung anh cũng nhất trí với ý kiến của chị N nêu ra.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè nhận định. Căn cứ Điều 27 luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014; Điều 21; Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 195; Điều 196; Điều 203; Điều 239; Điều 240; Điều 241; Điều 242; Điều 243; Điều 246; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 253; Điều 254; Điều 255; Điều 256; Điều 257; Điều 259; Điều 260 và Điều 263/ Bộ luật tố tụng dân sự. Thì việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý và giải quyết vụ án, việc mở phiên tòa xét xử vụ án hôm nay là hoàn toàn khách quan, đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83/Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên bố chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh Hồ Văn Den và chị Lý Thị N; Giao căn nhà gỗ 03 gian, lợp tôn có tổng diện tích xây dựng 36,0m² cho chị Lý Thị Nhâm và thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho anh D; Giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ tròn 18 tuổi; Chia tổng số nợ 90.000.000 đồng theo ý kiến của chị N và anh D; Buộc các đương sự phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Chị Lý Thị N và anh Hồ Văn D chung sống với nhau từ năm 2002 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 14/12/2015 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do vậy quan hệ hôn nhân của Chị N và anh D là hợp pháp, ngày 28/04/2017 chị N xin ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị N xin ly hôn xét là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 57/ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung là Hồ Thị Thanh T sinh ngày 05 tháng 03 năm 2003 và Hồ Bảo N sinh ngày 21 tháng 11 năm 2010 . nay vợ chồng ly hôn chị xin nuôi hai con. Anh D chưa có đủ điều kiện để nuôi con, chăm sóc con, chị N có điều kiện hơn để nuôi dưỡng, chăm sóc con, xét nguyện vọng của con trẻ, quyền lợi về mọi mặt của con và điều kiện nuôi con nên cần giao con cho chị N; Về cấp dưỡng chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, căn cứ Điều 81/ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu trên của chị N.

[3]. Về chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị N và anh D đều có ý kiến nhất trí chia tài sản chung theo giá trị trên tổng số tiền 79.200.000 đồng, bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch. Căn cứ Điều 33; Điều 38; Điều 59/ Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến trên của chị N và anh D.

[4]. Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Tè số tiền 62.000.000 đồng; Nợ chị Nguyễn Thị T tiền vật liệu xây dựng 17.000.000 đồng; Nợ quán Vi Ngọc T tiền mua thuốc trừ cỏ 5.000.000 đồng; Nợ Nguyễn Duy Q số tiền mua máy cày 6.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay chị N và anh D xác nhận tổng số tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là 90.000.000 đồng trên đến thời điểm hiện tại chưa trả được, vợ chồng đều có ý kiến nhất trí chia đôi số nợ theo kỷ phần; Căn cứ Điều 27 ; Điều 37 ; Điều 60/ Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến trên của chị N và anh D.

Về án phí: Các đương sự trong vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị N nhất trí chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 70; Điều 225; Điều 227; Điều 232/ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị N được ly hôn với anh Hồ Văn D.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao hai con Hồ Thị Thanh T sinh ngày 05 tháng 03 năm 2003 và Hồ Bảo N sinh ngày 21 tháng 11 năm 2010 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tròn 18 tuổi, anh D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con, chị N không được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng : anh Hồ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản: Áp dụng Điều 38; Điều 59/ Luật hôn nhân và gia đình.

- Chia cho chị Lý Thị N được quyền sử dụng 01 (Một) căn nhà sàn gỗ 03 gian, mái lợp tôn, sàn lát ván, găm sàn xây gạch PaBanh 20cm bao quanh có chiều dài khung nhà 7,5m, chiều rộng khung nhà 4,8m tổng diện tích xây dựng là 36,0m² ở tại bản G, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. 01(Một) TiVi hiệu LG 32 in; 01(Một) bộ bàn ghế Xa Long nan gỗ nhãn; 02(Hai) tủ nhựa đựng quần áo loại 4 ngăn; 01 xe nhãn hiệu WAVARSX đăng ký tên chủ xe Lý Thị N.

- Chị Lý Thị N phải trả cho anh Hồ Văn D số tiền chênh lệch chia tài sản là 39.600.000 đồng.

5. Về nợ chung: Áp dụng Điều 27 ; Điều 37 ; Điều 60/ Luật hôn nhân và gia đình; Điều 13/ Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chia tổng nợ chung số tiền 90.000.000 đồng:

- Chia cho chị Lý Thị N số tiền 45.000.000 đồng trong đó:

+. Trả cho Ngân hàng chính sách huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu số tiền nợ gốc 31.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

+. Trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 8.500.000 đồng.

+. Trả cho chị Vi Ngọc T số tiền là 2.500.000 đồng.

+. Trả cho Nguyễn Duy Q số tiền là 3.000.000 đồng.

- Chia cho anh Hồ Văn D số tiền 45.000.000 đồng trong đó:

+. Trả cho Ngân hàng chính sách huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu số tiền nợ gốc 31.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

+. Trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 8.500.000 đồng.

+. Trả cho chị Vi Ngọc T số tiền là 2.500.000 đồng.

+. Trả cho Nguyễn Duy Q số tiền là 3.000.000 đồng;

6. Về án phí: Áp dụng Điều 70; Điều 147; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

- Chị Lý Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp dự phí ly hôn 300.000 đồng tại biên lai số AA/2010/0000409 ngày 04 tháng 05 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Tè và án phí giá ngạch là 39.600.000 đồng x 5% = 1.980.000 đồng.

- Anh Hồ Văn D phải chịu án phí giá ngạch là 39.600.000 đồng x 5% = 1.980.000 đồng.

- Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lai Châu.
- VKSND huyện M.Tè
- CCTHA huyện M.Tè
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Lò Xuân Hải